

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Đầu tư công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 09/TTr-SKHDT ngày 22 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 04 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Đầu tư công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K3, K10, K13, K20, KSTT^(C).

Thao

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA
CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1.	Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
2.	Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện	Cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện.
3.	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.	Chủ tịch UBND cấp huyện/hoặc thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc, Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền
4.	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ).	Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Tên thủ tục: **Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo ủy quyền thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

- Đơn vị Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*đối với các Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện: Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nội dung số 01 Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*) hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (*đối với các Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025*).

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) tham mưu tổ chức thẩm định hồ sơ Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (thành viên Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND¹ hoặc Quyết định số 3818/QĐ-UBND²).

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk) hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

¹ Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 20/4/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025

² Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, gồm:

- Đơn đề nghị của Đơn vị Chủ trì liên kết.
- Dự án liên kết hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.
- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.
- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

Ngoài ra, Đơn vị Chủ trì liên kết gửi kèm theo một số tài liệu minh chứng kèm theo như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã (hoặc tương đương); Báo cáo tài chính năm gần nhất; Báo giá các loại; Bản cam kết của hộ dân tham gia dự án.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ chính.

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong các lĩnh vực, ngành nghề khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ chính.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

- Đơn đề nghị của Đơn vị Chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong các lĩnh vực, ngành nghề khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án, Kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 20/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

2. Tên thủ tục: Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ủy quyền thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

- Đơn vị Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng; Tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk) hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, gồm:

- Đơn đề nghị của Đơn vị Chủ trì liên kết.
- Dự án liên kết hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.
- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.
- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

Ngoài ra, Đơn vị Chủ trì liên kết gửi kèm theo một số tài liệu minh chứng kèm theo như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã (hoặc tương đương); Báo cáo tài chính năm gần nhất; Báo giá các loại; Bản cam kết của hộ dân tham gia dự án.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ chính.

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong các lĩnh vực, ngành nghề khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ chính.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt Dự án, Kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

- Đơn đề nghị của Đơn vị Chủ trì liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).

- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (*theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ*).

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (*theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ*).

* Đối với Dự án, Kế hoạch liên kết trong các lĩnh vực, ngành nghề khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án, Kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 3818/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân

tính về việc thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 20/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

3. Tên thủ tục: Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Cộng đồng dân cư xây dựng 01 bộ hồ sơ đề nghị dự án sản xuất, dịch vụ gửi UBND cấp xã; UBND cấp xã trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt thông qua cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định; tổ chức họp Tổ thẩm định.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk) hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

4. Tên thủ tục: Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023).

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Cộng đồng dân cư xây dựng 01 bộ hồ sơ đề nghị dự án sản xuất, dịch vụ

gửi UBND cấp xã; UBND cấp xã trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt thông qua cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị chủ trì dự án cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định; tổ chức họp Tổ thẩm định.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử (iDesk) hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định

cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP NGÀY 05/7/2018 CỦA CHÍNH PHỦ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 02	Dự án liên kết
Mẫu số 03	Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)
Mẫu số 05	Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố)
..... (hoặc UBND huyện (quận)).....

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị
..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ,ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail

c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

.....

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
 - a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: , Fax: E-mail
 - b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: E-mail
 - c)
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết
5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.
 - Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
 - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
 - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
 - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.
2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm , tại ,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: , Fax: E-mail

3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
.....
2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):,

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt Lâm nghiệp Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
13/2023/QĐ-UBND NGÀY 07/4/2023 CỦA UBND TỈNH**

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
Mẫu số 02	Biên bản họp dân
Mẫu số 03	Đề cương xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 04	Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng

TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Biên bản họp dân ngày tháng năm

Tổ, nhóm cộng đồng:

Người đại diện (Tổ trưởng/nhóm trưởng):

Số CCCD/CMND: Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, (tên Tổ, nhóm cộng đồng) đề nghị UBND xã xem xét tổng hợp trình UBND huyện thẩm định dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án/phương án:.....
2. Địa bàn thực hiện:
3. Số hộ tham gia:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....
.....
.....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên Tổ, nhóm cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các hộ dân theo nội dung đã đăng ký và dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Thực hiện hoàn trả một phần kinh phí theo quy định của dự án đã được phê duyệt cho chủ đầu tư để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

..... ./.

ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

Mẫu số 02: Biên bản họp dân

UBND XÃ
Thôn/làng.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn/làng), ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc giờ ngày tháng năm 20....., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/làng đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

I. Thành phần tham dự

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Thành phần tham gia:
 - + Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể xã
 - + Hội đoàn thể thôn/làng
 - + Số lượng hộ tham gia:hộ, trong đó: hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình, mức chi hỗ trợ dự án/phương án sản xuất, dự kiến đề xuất nhu cầu thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của thôn/làng,....;
2. Thảo luận lựa chọn tên dự án/phương án, nội dung, đối tượng tham gia dự án/phương án, phương thức hỗ trợ và cơ chế đóng góp khi tham gia dự án/phương án, cơ chế quay vòng vốn;
3. Bình xét, lựa chọn hộ đủ điều kiện tham gia dự án/phương án (hộ tham gia dự án/phương án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án/phương án).
4. Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (áp dụng đối với thôn/làng chưa có Tổ, nhóm cộng đồng) và bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

(Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

III. Kết quả cuộc họp

Sau khi triển khai và thảo luận, chúng tôi thống nhất:

- Tên dự án, nội dung dự án, đối tượng tham gia dự án; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ, nhóm khi tham gia dự án.

- Phương thức tổ chức thực hiện dự án/phương án.

- Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (tên tổ, nhóm cộng đồng) thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do ông (bà) làm tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ, nhóm cộng đồng gồm thành viên theo danh sách cụ thể sau:

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ DTTS, người có công với cách mạng, hộ khác)	Số CCCD/CMND	Chức danh	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đổi ứng của hộ (ghi rõ bằng tiền hoặc hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay - điểm chỉ
1						Tổ trưởng/ trưởng nhóm				
2						Tổ phó/ phó nhóm				
3						Thành viên				
...										

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... cùng ngày. Nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua và cùng ký tên vào biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất/.

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Tổ, nhóm cộng đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Trưởng thôn/làng)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Đề cương xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng.....năm.....

TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Đại diện Tổ, nhóm cộng đồng (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Tên dự án/phương án:
3. Mục tiêu dự án/phương án (mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể; dự kiến số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo khi tham gia):
4. Đối tượng tham gia: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác (có danh sách kèm theo)
5. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc
6. Địa bàn thực hiện: Tại thôn, xã, huyện, tỉnh
7. Chủ đầu tư dự án/phương án:
8. Nội dung dự án/phương án:
 - a) Kỹ thuật thực hiện dự án/phương án, quy trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nêu rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến hoạt động dự án/phương án. Ví dụ: tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng,...).
 - b) Các hoạt động của dự án/phương án:
 - Công tác chuẩn bị: Tổ chức họp dân xét chọn đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án/phương án; công tác chuẩn bị đất đai, chuồng trại,...
 - Tổ chức cung ứng giống, vật tư.
 - Tổ chức tập huấn kỹ thuật.
 - Tổ chức thực hiện sản xuất.
 - Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, HTX).
 - Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án/phương án.
 -
9. Tiến độ thực hiện dự án/phương án.

10. Dự toán kinh phí thực hiện dự án/phương án; nguồn kinh phí thực hiện

TT	Nội dung (Chi tiết theo nội dung được hỗ trợ của từng dự án/phương án)	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của người dân (triệu đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi (triệu đồng)	Nguồn khác (triệu đồng)
1									
2									
3									
4									
5									
...									
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+...)								

Chi tiết các năm (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

11. Hình thức, mức quay vòng vốn luân chuyển trong cộng đồng:

- Hình thức thu hồi: Bằng tiền mặt hoặc hiện vật.
- Mức kinh phí thu hồi: triệu đồng/hộ hoặc
- Thời gian thu hồi:
- Giải pháp thu hồi, cách thức quản lý:

12. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án/phương án

a) Sản phẩm thu được của dự án/phương án:

b) Hiệu quả thực hiện:

- Nâng cao thu nhập cho hộ.
- Số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo
-

13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):

14. Tổ chức thực hiện dự án/phương án:

- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án.

- Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn/làng.

- Trách nhiệm của

15. Các nội dung liên quan khác...../.

ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã), ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH

Tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Họ và tên chủ hộ:

Địa chỉ:

Số CCCD/CMND: Ngày cấp Nơi cấp

Điện thoại:

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án và thực hiện luân chuyển bằng hiện vật hoặc tiền phần quay vòng vốn theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền.
4. Nếu vi phạm cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng/nhóm trưởng giữ 01 bản, hộ gia đình giữ 01 bản./.

Đại diện Tổ/nhóm cộng đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)